ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2768 /QĐ-UBND	*Nam Định, ngày 12 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07//4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 28/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông báo số 245/TB-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét văn bản số 190/SXD-QH ngày 06/12/2024 của Sở Xây dựng về việc thẩm định đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét văn bản số 22/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND huyện Vụ Bản về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của UBND huyện Vụ Bản tại Tờ trình số 332/TTr-UBND ngày 11/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung sau:

I. TÊN ĐỒ ÁN

Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. THÀNH PHẦN BẢN VẼ

1. Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng (QH-01)

2. Bản đồ hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất, hạ tầng xã hội (QH-02)

3. Bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật (QH-03)

4. Bản đồ phân vùng quản lý phát triển (QH-04)

5. Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng (QH-05)

6. Bản đồ định hướng hạ tầng chuẩn bị kỹ thuật (QH-06)

7. Bản đồ định hướng phát triển hệ thống giao thông (QH-07)

8. Bản đồ định hướng hạ tầng cấp nước (QH-08)

9. Bản đồ định hướng hạ tầng hệ thống điện, cung cấp năng lượng và viễn thông thụ động (QH-09)

10. Bản đồ định hướng hạ tầng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang (QH-10)

III. QUY MÔ, PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ phạm vi ranh giới hành chính huyện Vụ Bản, có diện tích là 15.280,7 ha (khoảng 152,81 km^2). Trong đó:

- Phía Bắc giáp thành phố Nam Định và tỉnh Hà Nam;

- Phía Đông giáp thành phố Nam Định;

- Phía Nam giáp huyện Nam Trực;

- Phía Tây giáp huyện Ý Yên.

IV. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÙNG

1. Quan điểm

- Phát triển huyện Vụ Bản trên cơ sở đảm bảo tính kế thừa, phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của quốc gia, của vùng Đồng bằng sông Hồng và tỉnh Nam Định. Đảm bảo quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường.

- Khai thác lợi thế, tiềm năng, phát huy các thế mạnh, các động lực phát triển kinh tế xã hội của địa phương theo định hướng phát triển bền vững. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thế trận quốc phòng, an ninh, củng cố khu vực phòng thủ huyện, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và ổn định an ninh nông thôn.

- Phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng đảm bảo sự phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh Nam Định, đóng vai trò là các cực tăng trưởng của huyện gắn với hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung trong vùng huyện, liên huyện, liên tỉnh và quốc gia. Phát triển nông thôn mới bền vững, gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, tín ngưỡng.

- Phát triển huyện Vụ Bản trên quan điểm mở và hội nhập, tạo điều kiện tốt cho hội nhập kinh tế cả nước, thu hút các nguồn lực của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước. Khai thác hiệu quả các lợi thế về vị trí, nguồn lực đất đai, phát triển các nhóm ngành kinh tế mũi nhọn về công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các làng nghề, đô thị và vùng nông thôn.

2. Mục tiêu

- Khai thác hiệu quả mọi tiềm năng, lợi thế của huyện, huy động các nguồn lực để tạo sự phát triển mạnh mẽ và toàn diện về kinh tế - xã hội; từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

- Phát triển mạnh về công nghiệp - thương mại - dịch vụ, nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm hàng hóa theo chuỗi giá trị và hạ tầng đô thị. Xây dựng thị trấn Gôi[1] trở thành đô thị xanh, hiện đại, thông minh phấn đấu đạt đô thị loại IV.

- Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Chú trọng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn, xã hội.

V. ĐỘNG LỰC VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CỦA VÙNG

Vụ Bản có vị thế là cửa ngõ phía Tây của thành phố Nam Định, trên địa bàn huyện có kết cấu hạ tầng giao thông liên hoàn, huyết mạch: QL.21, QL.10, QL.38B, QL.37B, TL.486B, TL.486C, TL.485B…, hệ thống đường thủy nội địa và tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua là điều kiện thuận lợi trong việc giao thương về công nghiệp, thương mại, du lịch tạo động lực trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện và cả tỉnh Nam Định.

Huyện cũng là địa phương có thế mạnh trong phát triển du lịch với Quần thể di tích Phủ Dầy, di sản văn hoá phi vật thể đại diện nhân loại - tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ được UNESCO vinh danh, chợ Viềng Xuân. Ngoài ra, việc hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp cũng là một trong những lợi thế cho việc thu hút đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện.

---

[1] Theo dự kiến phương án sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2026-2030 thực hiện mở rộng thị trấn Gôi với toàn bộ địa giới hành chính xã Tam Thanh và xã Liên Minh, dự kiến đặt tên là đô thị Liên Thanh.

VI. MỘT SỐ DỰ BÁO

1. Về phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đến năm 2030 dự báo tăng trên 12%, trong đó tỷ trọng công nghiệp xây dựng chiếm khoảng 80 - 82%, thương mại dịch vụ khoảng 10 - 12%.

- Đến năm 2050, giá trị cơ cấu kinh tế thay đổi theo hướng gia tăng thương mại dịch vụ do tốc độ đô thị hoá tăng và sự phát triển mở rộng của các đô thị cũng như tăng trưởng của hoạt động chế biến, phân phối sản phẩm nông nghiệp.

2. Về dân số, lao động

- Đến năm 2030, dân số huyện Vụ Bản khoảng 209.350 người trong đó dân số tăng trưởng tự nhiên là khoảng 150.000 người. Dự báo dân số đến năm 2050 khoảng 248.000 người, trong đó dân số tăng tự nhiên của huyện là khoảng 178.000 người.

- Dự kiến đến năm 2030, tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc của huyện đạt khoảng 90.500 người; đến năm 2050 khoảng 100.000 người với tỷ lệ qua đào tạo đạt 85% năm 2030 và đạt 90% năm 2050.

3. Về tỷ lệ đô thị hóa

- Giai đoạn đến năm 2030, dân số đô thị khoảng 55.000 người (không bao gồm dân số tăng cơ học, vãng lai), tỷ lệ đô thị hóa khoảng 37%.

- Tầm nhìn đến năm 2050, dân số đô thị khoảng 92.000 người (không bao gồm dân số tăng cơ học, vãng lai), tỷ lệ đô thị hóa khoảng 52%.

4. Về nhu cầu sử dụng đất

- Dự báo nhu cầu đất cho các khu vực chính của vùng huyện Vụ Bản đến năm 2030:

+ Đất dành cho khu vực phát triển xây dựng (đô thị, dân cư nông thôn, phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại - dịch vụ, phát triển du lịch, nghiên cứu đào tạo, điểm di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh, an ninh, quốc phòng, đầu mối hạ tầng kỹ thuật và các chức năng khác) khoảng 6.600 ha ÷ 7.200 ha.

+ Đất dành cho khu vực nông nghiệp và các chức năng khác (nông lâm nghiệp, thuỷ sản, mặt nước) khoảng 8.300 ha ÷ 8.450 ha.

5. Về bảo vệ môi trường

Phấn đấu đến năm 2030, huyện đạt các chỉ tiêu theo mục tiêu bảo vệ môi trường theo định hướng Quy hoạch tỉnh Nam Định, với tỷ lệ:

- Chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%.

- Chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%.

- Chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 98%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom đạt 10%.

- Nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định đạt 55%.

6. Các rủi ro về biến động, thảm họa thiên nhiên

Huyện Vụ Bản thuộc vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới và vùng nguy cơ ảnh hưởng lũ, lụt và sạt lở đất.

VII. TỔ CHỨC PHÂN VÙNG VÀ YÊU CẦU QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN THEO CÁC PHÂN VÙNG

1. Khung cấu trúc phát triển không gian vùng

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, hiện trạng, tổ chức tổng thể không gian vùng huyện đến năm 2030, tầm nhìn 2050 theo cấu trúc gồm: 04 tiểu vùng kinh tế, 04 khu vực đô thị hóa, 05 hành lang.

- 04 tiểu vùng kinh tế:

+ Tiểu vùng trung tâm: Gồm thị trấn Gôi và xã Kim Thái có quy mô diện tích khoảng 32,14 km^2.

+ Tiểu vùng đô thị hóa phía Đông: Gồm đô thị Trung Thành[2] và xã Thành Lợi, có quy mô diện tích khoảng 46,46 km^2.

+ Tiểu vùng nông nghiệp phía Bắc: Gồm đô thị Cộng Hoà[3] và xã Minh Tân, có quy mô diện tích khoảng 53,74 km^2.

+ Tiểu vùng nông nghiệp phía Nam: Gồm xã Đại Thắng[4], có quy mô diện tích khoảng 20,47 km^2.

- 04 khu vực đô thị hóa: Khu vực thị trấn Gôi; khu vực đô thị Trung Thành; khu vực đô thị hóa Cộng Hòa; khu vực đô thị hóa sông Chanh - sông Đào.

- 05 hành lang: Hành lang Văn hóa du lịch Phủ Dầy - Núi Gôi; hành lang du lịch sinh thái sông Sắt (cảnh quan); hành lang đô thị Liên Thanh - Trung An - Cộng Hòa; hành lang công nghiệp - QL.10; hành lang đô thị hóa sông Chanh.

2. Quản lý phát triển vùng huyện

a) Quản lý phát triển vùng nông nghiệp - nông thôn

Vụ Bản là huyện thuộc vùng nông nghiệp - nông thôn của tỉnh bao gồm 04 huyện Ý Yên, Vụ Bản, Nam Trực, Trực Ninh; có các động lực và tiềm năng về phát triển nông nghiệp do vậy quản lý hợp tác trong phát triển vùng và liên vùng huyện cần có sự phối hợp và chia sẻ các chức năng, đặc biệt là các chức năng hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, hiện phân bố tập trung trên địa bàn huyện Vụ Bản.

---

[2] Theo dự kiến phương án sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2026-2030, sáp nhập xã Trung Thành với xã Quang Trung và xã Đại An, dự kiến đặt tên là đô thị Trung An.

[3] Theo dự kiến phương án sắp xếp ĐVHC giai đoạn sau năm 2030 hình thành đô thị Cộng Hoà trên cơ sở sáp nhập 03 xã Hiển Khánh, Hợp Hưng, Cộng Hoà.

[4] Theo dự kiến phương án sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2026-2030, sáp nhập xã Vĩnh Hào với xã Đại Thắng thành lập đơn vị hành chính cấp xã mới là xã Đại Thắng.

Vùng nông nghiệp - nông thôn nằm trong vùng ảnh hưởng của các hành lang kinh tế: Hành lang cao tốc Bắc Nam - Cao Bồ - Rạng Đông, hành lang QL.10 và hành lang cao tốc Ninh Bình - Thái Bình - Quảng Ninh, giáp với các huyện và thành phố đang phát triển mạnh của tỉnh Ninh Bình và Hà Nam.

b) Quản lý phát triển vùng huyện

Huyện Vụ Bản được phân thành 04 vùng kinh tế: Tiểu vùng trung tâm; tiểu vùng đô thị hóa phía Đông; tiểu vùng nông nghiệp phía Bắc và tiểu vùng nông nghiệp phía Nam, trong đó các trung tâm vùng gồm đô thị Gôi - Trung Thành - Cộng Hòa.

Các trung tâm vùng kinh tế là các khu vực được tập trung đầu tư đẩy mạnh phát triển, khai thác hiệu quả các tiềm năng lợi thế, tính chất, chức năng của các vùng kinh tế. Trong đó:

- Tiểu vùng trung tâm:

+ Trung tâm là đô thị Gôi, là đô thị huyện lỵ, trung tâm hành chính, chính trị văn hóa xã hội của huyện Vụ Bản.

+ Là vùng tập trung trung tâm phát triển đô thị, thương mại dịch vụ, công nghiệp, phát triển kinh tế dịch vụ thương mại kết hợp du lịch sinh thái gắn với các khu du lịch gồm: Khu du lịch sinh thái núi Ngăm; khu du lịch dịch vụ sinh thái Phủ Dầy; khu du lịch dịch vụ văn hóa tâm linh Vụ Bản/trung tâm văn hóa tâm linh; khu du lịch sinh thái Núi Lê; khu hỗn hợp dịch vụ thương mại và du lịch.

+ Là vùng phát triển đa ngành, tập trung phát triển công nghiệp gồm: Khu công nghiệp (KCN) Bảo Minh, KCN Bảo Minh mở rộng, cụm công nghiệp (CCN) Thanh Côi, CCN Kim Thái, CCN Thanh Quang với các ngành nghề thu hút đầu tư có công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện môi trường, dịch vụ tiện ích công cộng phục vụ người lao động trong khu, cụm công nghiệp.

+ Hình thành các trung tâm thương mại dịch vụ tại các trục đường chính QL.10, QL.37B và nút giao đường Chợ Lời - Đại Thắng và các tuyến trục giao thông theo hướng Bắc - Nam với tuyến tránh giảm tải cho QL.10.

+ Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đặc biệt là các tuyến giao thông kết nối các tiểu vùng kinh tế của huyện và các huyện, thành phố Nam Định.

- Tiểu vùng đô thị hóa phía Đông:

+ Trung tâm là đô thị Trung Thành, là đô thị mới phát triển đa ngành, dịch vụ, du lịch, thương mại, công nghiệp. Khu vực phía Đông là khu vực đô thị hóa nằm trong định hướng phát triển quy hoạch phân khu VIII của thành phố Nam Định.

+ Hình thành khu dịch vụ, du lịch, thương mại tại nút giao giữa vành đai xanh 1 và tuyến đường Tân Khánh - Liên Bảo, là không gian vui chơi giải trí, nâng cao chất lượng sống, phát triển kinh tế xã hội.

+ Phát triển KCN Thắng Lợi và các cụm công nghiệp: Quang Trung, Trung Thành, Đại An thu hút đầu tư các ngành nghề có công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện môi trường; không thu hút ngành nghề dệt may, da giày.

+ Hình thành trung tâm dịch vụ và hỗ trợ công nông nghiệp tại khu vực nút giao tuyến tránh giảm tải cho QL.10.

+ Khuyến khích hình thành các khu nhà ở công nhân, thiết chế công đoàn phục vụ khu công nghiệp.

- Tiểu vùng nông nghiệp phía Bắc:

+ Trung tâm là đô thị Cộng Hòa, là đô thị mới hình thành giai đoạn sau năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Phát triển kinh tế nông nghiệp kết hợp công nghiệp; phát triển CCN Hợp Hưng, một phần KCN Mỹ Thuận thu hút đầu tư các ngành nghề có công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện môi trường; không thu hút ngành nghề dệt may, da giày.

+ Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp, xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp.

+ Phát triển trung tâm hỗ trợ sản xuất công nông nghiệp, sơ chế, đông lạnh, chung chuyển, xây dựng chuỗi liên kết trong nông nghiệp, gia tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp.

+ Phát triển kinh tế nông nghiệp với các vùng sản xuất lúa đặc sản và vùng sản xuất lúa giống kết hợp với việc bảo tồn cảnh quan, cải tạo các khu dân cư hiện hữu, khuyến khích phát triển du lịch trải nghiệm nông nghiệp.

- Tiểu vùng nông nghiệp phía Nam:

+ Phát triển kinh tế nông nghiệp, làng nghề truyền thống gắn với CCN Vĩnh Hào và một phần KCN Thắng Lợi với các ngành nghề thu hút đầu tư có công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện môi trường; không thu hút ngành nghề dệt may, da giày.

+ Phát triển kinh tế nông nghiệp với các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, cây dược liệu và vùng trồng hoa cây cảnh kết hợp, cải tạo các khu dân cư hiện hữu, phát triển du lịch trải nghiệm nông nghiệp, du lịch cộng đồng.

+ Phát triển và giữ gìn các làng nghề truyền thống.

VIII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN

1. Vị trí, quy mô, phương hướng tổ chức

1.1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

- Đến năm 2030, huyện Vụ Bản có 02 đô thị gồm 01 đô thị loại IV là thị trấn Gôi và 01 đô thị loại V là đô thị Trung Thành mới thành lập; tỷ lệ đô thị hoá là khoảng 37%.

- Tầm nhìn đến năm 2050, huyện Vụ Bản có 03 đô thị gồm 01 đô thị loại IV là đô thị Liên Thanh, 02 đô thị loại V là đô thị Trung An và đô thị mới Cộng Hoà. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 52%.

1.2. Định hướng phát triển dân cư nông thôn

- Phát triển mới các khu dân cư nông thôn tại các xã theo hướng bền vững, tập trung, đồng bộ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với tiêu chí nông thôn mới và sẽ được cụ thể hóa tại quy hoạch chung xã, phù hợp với định hướng quy hoạch cấp trên.

- Tập trung các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, trên cơ sở bảo tồn các giá trị làng truyền thống. Phấn đấu đến năm 2025 có 30% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; đến trước năm 2030 đạt chuẩn "huyện nông thôn mới nâng cao".

- Phát triển nông nghiệp - nông thôn gắn với xây dựng các sản phẩm xuất khẩu có giá trị cao gắn với các sản phẩm truyền thống của địa phương. Xây dựng và phát triển các sản phẩm thủ công gắn với phát triển du lịch, tạo thương hiệu riêng cho sản phẩm (gối mây, mây tre đan….) phát triển các làng nghề, cơ sở sản xuất theo hướng bền vững, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Định hướng phát triển thương mại dịch vụ du lịch cộng đồng gắn với các hoạt động văn hoá tín ngưỡng, lễ hội, du lịch sinh thái và du lịch làng nghề.

1.3. Quy hoạch các khu chức năng

- Khu công nghiệp: Giai đoạn 2021 ÷ 2030, thực hiện mở rộng KCN Bảo Minh quy mô 45 ha, phát triển KCN Thắng Lợi giai đoạn 1 là 100 ha. Tầm nhìn đến năm 2050, phát triển KCN Thắng Lợi giai đoạn 2 là 93,28 ha.

- Khu du lịch: Phát triển các khu du lịch văn hóa tín ngưỡng, khu du lịch sinh thái, khu đô thị du lịch sinh thái với tổng quy mô khoảng 513 ha gồm:

+ Khu du lịch dịch vụ sinh thái Phủ Dầy quy mô khoảng 99 ha;

+ Khu du lịch dịch vụ văn hóa tâm linh Vụ Bản/ Trung tâm văn hóa tâm linh quy mô khoảng 73 ha;

+ Khu du lịch sinh thái núi Ngăm mở rộng quy mô khoảng 24 ha;

+ Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ và du lịch Liên Thanh quy mô khoảng 194 ha;

+ Khu đô thị dịch vụ du lịch Vành đai xanh 1 (xã Thành Lợi) quy mô khoảng 40 ha;

+ Khu đô thị du lịch sinh thái sông Sắt (xã Minh Tân) quy mô khoảng 58 ha;

+ Khu du lịch sinh thái và dịch vụ Núi Lê quy mô khoảng 25 ha.

1.4. Quy hoạch khu vực an ninh quốc phòng

- Đến năm 2030, quy hoạch 11 điểm đất quốc phòng với diện tích 13,2 ha. Đến năm 2050, quy hoạch 17 điểm đất quốc phòng với diện tích 65,9 ha. Khu vực địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng là 9 khu vực với diện tích 1.673,7 ha.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình huấn luyện, công trình chiến đấu tại khu vực phòng thủ, doanh trại, công trình hậu cần, trụ sở làm việc của lực lượng công an, quân sự để đảm bảo yêu cầu an ninh - quốc phòng trên địa bàn huyện.

1.5. Quy hoạch khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

- Phát triển các vùng nguyên liệu phục vụ ngành công nghiệp, sản xuất, chế biến. Bao gồm: Vùng trồng rau nguyên liệu tại các xã Đại An, Thành Lợi, Liên Minh, Trung Thành, Quang Trung. Vùng trồng cây dược liệu tại xã Đại Thắng, Thành Lợi; vùng trồng sen tại xã Minh Tân và xã Cộng Hoà.

- Phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Vùng sản xuất rau (thị trấn Gôi, Liên Minh, Thành Lợi); vùng trồng cây dược liệu tại xã Đại Thắng, Thành Lợi; vùng chuyên trồng hoa cây cảnh tập trung tại Đại Thắng, Thành Lợi, thị trấn Gôi, Kim Thái; vùng chăn nuôi lợn (Minh Tân, Hợp Hưng, Hiển Khánh).

- Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ bao gồm: Vùng sản xuất rau hữu cơ (Thành Lợi, Liên Minh, Trung Thành); vùng trồng lúa theo hướng hữu cơ trên địa bàn các xã Minh Tân, Hiển Khánh; Liên Minh, Vĩnh Hào, Đại Thắng. Vùng chăn nuôi lợn hữu cơ (Minh Tân, Hợp Hưng, Hiển Khánh).

- Duy trì diện tích rừng hiện có, tiếp tục thực hiện công tác chăm sóc, bảo vệ rừng, khoanh nuôi, tái sinh rừng.

- Duy trì sản xuất thủy sản ổn định, chuyển dịch các phương thức nuôi trồng truyền thống sang các phương thức nuôi thâm canh và bán thâm canh để mang lại hiệu quả cao trong sản xuất, chuyển dịch dần sang các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao.

1.6. Quy hoạch các khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Bảo tồn, khai thác hiệu quả Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại "Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ của người Việt" gắn với phát triển du lịch văn hóa, tín ngưỡng tại Khu di tích lịch sử - văn hóa Phủ Dầy. Tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu du lịch sinh thái Núi Ngăm, khu du lịch sinh thái và dịch vụ núi Lê. Đẩy mạnh phát triển du lịch làng nghề theo hướng homestay, trải nghiệm cùng người dân, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm làng nghề địa phương.

- Các công trình đã được kiểm kê, xếp hạng trong Danh mục kiểm kê được quản lý theo quy định tại Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001, Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ và các quy định hiện hành liên quan.

- Phạm vi ranh giới khu vực bảo tồn sẽ được cụ thể hoá trong các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về bảo tồn di tích.

1.7. Cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác

Cụm công nghiệp: Giai đoạn 2021-2030, mở rộng CCN Thanh Côi quy mô 25 ha; phát triển CCN Hợp Hưng quy mô 53,5 ha, CCN Vĩnh Hào quy mô 50 ha,

CCN Kim Thái quy mô 69 ha, CCN Đại An quy mô 75 ha, CCN Thanh Quang quy mô 60 ha.

2. Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm

2.1. Hành chính

- Trung tâm hành chính chính trị huyện Vụ Bản: Cải tạo nâng cấp trên cơ sở hiện trạng, bố trí các chức năng phù hợp nhằm nâng cao hoạt động trung tâm hành chính của huyện.

- Hệ thống công trình hành chính chính trị cấp đô thị sẽ được cụ thể hóa trong các đồ án quy hoạch đô thị, đảm bảo tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định pháp luật có liên quan. Dự kiến bố trí khu liên cơ quan đô thị Liên Thanh tại khu vực phía Nam gắn với khu vực cảnh quan núi Gôi.

- Trụ sở làm việc cơ quan hành chính các xã: cải tạo chỉnh trang tại chỗ, đáp ứng điều kiện, môi trường làm việc. Khuyến khích thi tuyển, cải tạo chỉnh trang công trình trụ sở hành chính xã Kim Thái nhằm tạo đặc trưng riêng gắn với văn hóa truyền thống.

2.2. Thương mại - dịch vụ, du lịch

- Tập trung khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch bền vững. Tiếp tục đầu tư, tôn tạo các khu, điểm du lịch: Khu họp chợ Viềng xuân, khu di tích Phủ Dầy, chùa Hổ Sơn, Đền thờ Trạng nguyên Lương Thế Vinh; các điểm du lịch cộng đồng tại các thôn, làng có tiềm năng du lịch gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Bảo tồn, khai thác hiệu quả Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại "Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ của người Việt" gắn với phát triển du lịch văn hóa, tín ngưỡng tại Khu di tích lịch sử - văn hóa Phủ Dầy.

- Đẩy mạnh xã hội hóa việc đầu tư phát triển các chợ, trung tâm thương mại và hệ thống siêu thị ở đô thị. Xây dựng hoàn thiện và tổ chức hoạt động hiệu quả chợ đầu mối nông sản. Xây dựng 01 trung tâm thương mại đa năng, phát triển thêm 02 chợ dân sinh, 02 đến 04 siêu thị tại khu vực các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung mới; Đầu tư nâng cấp chợ Gôi hạng II; Tập trung phát triển chợ Viềng Xuân gắn với Quần thể di tích Phủ Dầy.

2.3. Văn hóa, thể dục thể thao

- Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục thể thao các cấp huyện, xã, thôn; rà soát, xây dựng bổ sung thiết chế văn hóa, thể dục thể thao các cấp còn thiếu đồng thời nâng cấp chất lượng các thiết chế chưa đạt chuẩn.

- Tiếp tục đầu tư các công trình an sinh xã hội trên địa bàn huyện để phục vụ nhu cầu của người dân.

2.4. Nghiên cứu, đào tạo

Duy trì mạng lưới trường học, cơ sở đào tạo các cấp, nâng cao chất lượng giảng dạy và cơ sở vật chất theo định hướng của ngành giáo dục. Giữ ổn định quy mô 05 trường THPT trên địa bàn huyện gồm: Hoàng Văn Thụ, Lương Thế Vinh,

Nguyễn Bính, Nguyễn Đức Thuận, Hùng Vương. Trên địa bàn các xã có ít nhất từ 1÷2 trường Tiểu học và THCS đảm bảo cơ sở vật chất tốt cho giảng dạy và học tập. Khuyến khích thành lập các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT; liên cấp THCS-THPT hoặc liên cấp Tiểu học-THCS-THPT ngoài công lập trên địa bàn huyện (trên cơ sở đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành).

2.5. Y tế

Tiếp tục củng cố, kiện toàn mạng lưới y tế ở cơ sở gắn với nâng cao hiệu quả công tác y tế dự phòng. Nâng cấp Trung tâm y tế huyện để đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh, đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ theo nhu cầu phát triển dân số. Mỗi xã bố trí 01 trạm y tế có khoảng 20 giường trở lên kèm theo các chức năng khác phục vụ cho chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Khuyến khích phát triển cơ sở khám chữa bệnh tư nhân, bác sỹ gia đình.

2.6. Trung tâm cụm xã, trung tâm xã

Xây dựng nông thôn mới phù hợp với lộ trình, giai đoạn nâng cấp lên đô thị, tiến tới quá trình đô thị hóa; Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật để đảm bảo phục vụ kết nối.

Hình thành các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện gắn với các thị trấn, trung tâm cụm xã, các khu - cụm công nghiệp gắn kết thuận lợi với hệ thống hạ tầng khung, đảm bảo phục vụ cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ trong vùng.

3. Xác định các quy hoạch xây dựng cần lập theo các giai đoạn phát triển

- Các quy hoạch chung đô thị: Đô thị Liên Thanh, đô thị Trung An, đô thị Cộng Hoà.

- Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu các khu chức năng: Khu công nghiệp Thắng Lợi.

- Trên cơ sở phương án sắp xếp đơn vị hành chính của tỉnh giai đoạn 2023-2025, tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng các xã hình thành mới trên địa bàn huyện, điều chỉnh quy hoạch chung các xã có liên quan.

- Rà soát điều chỉnh các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết có liên quan đảm bảo thống nhất, phù hợp với điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản được phê duyệt.

IX. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÙNG

1. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

1.1. Định hướng công trình thủy lợi, phòng chống ngập úng, lũ

- Phát triển tổng thể, đồng bộ hệ thống thuỷ lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, đảm bảo chủ động cấp nước, tiêu thoát nước cho diện tích đất trồng lúa/năm; chủ động nguồn nước đảm bảo thời vụ và quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Phát triển thuỷ lợi nhằm chủ động phòng, chống lũ, chống

ngập, ổn định và phát triển sản xuất, đảm bảo an toàn cho nhân dân, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Tiếp tục duy tu bảo dưỡng và nâng cấp các công trình hiện có, kiên cố và bê tông hóa công trình đầu mối, mở rộng kênh dẫn nước nội đồng nhằm chủ động cung cấp nước tưới, đảm bảo khả năng sử dụng trên 80% công suất thiết kế. Đẩy mạnh xây dựng các công trình thủy lợi mới. Xây dựng các hồ, đập chứa nước, hệ thống kênh mương trên các lưu vực sông trên địa bàn huyện.

1.2. Định hướng quy hoạch cao độ nền

- Cao độ nền xây dựng tuân thủ đồ án Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đối với các khu vực đã xây dựng, cao độ nền xây dựng tương đối ổn định công tác quy hoạch chiều cao phải phù hợp với điều kiện hiện trạng, tránh gây ngập úng cục bộ, đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi:

+ Khu vực xây dựng mật độ cao không có điều kiện tôn nền, sử dụng giải pháp cải tạo giữ nguyên cao độ sân vườn hiện tại, nâng sàn công trình trong quá trình nâng cấp hoặc xây mới công trình tại vị trí cũ đảm bảo phù hợp với điều kiện hiện trạng, tránh gây ngập úng cục bộ.

+ Khu vực hiện trạng xây dựng với mật độ thấp có điều kiện tôn nền cục bộ, khi xây dựng xen cấy với các công trình hiện trạng cần kết nối hài hòa với khu vực hiện trạng tránh gây ngập úng cục bộ cho khu vực xung quanh.

- Khu vực phát triển xây dựng trên nền ao, ruộng canh tác cần tôn nền tối thiểu 0,5 ÷ 1,5m.

- Cao độ nền xây dựng đối với các khu vực quy hoạch mới được xác định đảm bảo cao độ khống chế phù hợp với điều kiện hiện trạng, đảm bảo độ dốc nền tối thiểu ≥ 0,02%.

1.3. Định hướng quy hoạch thoát nước mặt

- Toàn bộ mạng lưới thoát nước xây mới sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Đối với các khu vực hiện hữu dùng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải), từng bước xây dựng các hố ga tách dòng tại các cửa xả và xây dựng các cống gom để thu nước thải về trạm xử lý.

- Toàn bộ khu vực nghiên cứu được chia làm 5 lưu vực chính.

- Trục tiêu chính là các sông, suối, hồ trong khu vực nghiên cứu rồi thoát ra trục thoát nước chính là các sông.

- Xây dựng hoàn chỉnh và đồng bộ hệ thống thoát nước mưa tại các khu xây dựng mới tập trung.

- Xây dựng bổ sung cống dọc các tuyến phố nội thị chưa có cống.

- Nạo vét, cải tạo các tuyến cống hiện có.

2. Định hướng giao thông

2.1. Giao thông đường bộ

a) Quốc lộ

- Các đoạn tuyến ngoài đô thị:

+ QL.10, QL.38B, QL.37B, QL.21 quy mô tối thiểu đường cấp III đồng bằng (tuân thủ theo Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

- Các đoạn tuyến qua đô thị:

+ QL.10 đoạn qua khu vực thị trấn Gôi Bnền = 22m, Bmặt = 17m, Bhè = 5m

+ QL.38B quy mô cấp III đồng bằng, 4 làn xe có Bmặt = 14m, Bhè = 5m.

+ QL.21 (đường Lê Đức Thọ), Bnền = 67m .

+ QL.37B quy mô cấp III đồng bằng có Bmặt = 14m, Bhè = 3m ÷ 5m

- Các tuyến đường vành đai xanh định hướng xây dựng tối thiểu cấp IV÷III đồng bằng tuân thủ theo Quy hoạch tỉnh Nam Định đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Đường tỉnh

- Các đoạn tuyến ngoài đô thị:

+ ĐT.486B, ĐT.485B quy mô tối thiểu đường cấp III đồng bằng (tuân thủ theo Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

+ ĐT 486C: Tuyến đường Khả Chính - Bối Xuyên, đường Cầu Họ - Hạnh Lâm được điều chỉnh thành đường tỉnh quy mô tối thiểu đường cấp III đồng bằng theo Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh Nam Định.

- Các đoạn tuyến qua đô thị:

+ ĐT.486B quy mô tối thiểu đường cấp III đồng bằng có Bmặt = 14m, Bhè = 3m ÷ 5m

+ ĐT.485B quy mô tối thiểu đường cấp III đồng bằng có Bmặt = 14m, Bhè = 3m ÷ 5m

c) Đường tránh

- Đường tránh giảm tải QL.10:

+ Tuyến chính đạt chuẩn cấp I đồng bằng với quy mô 8 làn xe, Bnền = 39,0m với tổng bề rộng mặt cắt ngang (GPMB) là 100m. Riêng đoạn tuyến từ điểm đầu nối với đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Nam Định đến đường vành đai II có quy mô theo Quy hoạch chung thành phố Nam Định.

+ Tuyến nhánh đạt chuẩn cấp III đồng bằng với quy mô tối thiểu 4 làn xe, Bnền = 17,0m với tổng bề rộng mặt cắt ngang (GPMB) tối thiểu là 60m.

- Đường tránh QL.38B quy mô tối thiểu đường cấp II đồng bằng. Điểm đầu đấu nối với QL.38B, thành phố Nam Định, điểm cuối nối với QL.37C, huyện Ý Yên.

d) Đường huyện: Nâng cấp, cải tạo kết hợp quy hoạch mới các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn cấp III, IV đồng bằng (đoạn qua thị trấn quy hoạch theo đường đô thị).

đ) Giao thông nông thôn: Nâng cấp đường liên xã, trục xã đạt tối thiểu cấp VI đồng bằng. Đầu tư xây dựng kiên cố hóa đường thôn xóm đạt 100% so với tiêu chuẩn nông thôn mới. Tiếp tục đầu tư xây dựng, cứng hoá hệ thống đường trục chính nội đồng đáp ứng nhu cầu cơ giới hoá, công nghiệp hoá nông nghiệp.

e) Xây dựng các cầu trên sông

- Xây dựng, nâng cấp các cầu qua sông theo cấp tải trọng HL93 trên các tuyến Tỉnh lộ, huyện lộ, còn lại các cầu qua các tuyến giao thông nông thôn khác xây dựng, nâng cấp theo quy mô tải trọng thiết kế 0,5 ÷ 0,65 HL93.

- Quy hoạch mới cầu Kinh Lũng trên tuyến TL.485B qua sông Đào sang huyện Nam Trực.

2.2. Giao thông đường thủy

- Đối với tuyến sông do Trung ương quản lý: Chỉnh trị, nao vét luồng tuyến sông Đào đến năm 2030 đạt tiêu chuẩn đường thuỷ nội địa cấp I.

- Đối với các tuyến sông do địa phương quản lý, duy trì cấp sông hiện tại đối với luồng tuyến sông Sắt (cấp VI).

- Duy trì hoạt động cảng xăng dầu hiện hữu tại vị trí Km7+380 ÷ Km7+505 (bờ phải) sông Đào thuộc xã Thành Lợi (trước kia là Tân Thành) đề xuất nâng cấp, cải tạo cho tàu chở dầu, đồng thời phục vụ trung chuyển dầu khí.

- Đối với các bến khách ngang sông, bến bốc xếp hiện có, thực hiện đầu tư cứng hoá mặt bến, đường lên xuống bến, lắp đặt biển báo hiệu, nhà chờ.

2.3. Giao thông đường sắt

- Duy trì tuyến đường sắt hiện trạng, cải tạo và nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam qua huyện, nâng cao năng lực vận chuyển hàng hoá và hành khách. Phối hợp xây dựng và hiện đại hoá các ga Gôi, Trình Xuyên. Trong đó, nâng cấp ga Gôi phục vụ hành khách và ga Trình Xuyên phục vụ trung chuyển hàng hoá.

- Tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; tuyến đường sắt mới Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh trong đó có đoạn qua địa phận huyện Vụ Bản.

2.4. Giao thông công cộng liên vùng

- Trong tương lai khi nhu cầu vận tải hành khách lớn từ các điểm phát sinh hành trình đi lại từ huyện Vụ Bản đến các điểm thu hút trong và ngoài huyện đặc biệt kết nối tới các khu vực đô thị lân cận như thành phố Nam Định. Cần phải có

mạng lưới giao thông công cộng liên vùng để phục vụ nhu cầu đi lại của người dân trong và ngoài huyện, tăng khả năng kết nối giao thông công cộng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực.

- Mạng lưới xe buýt liên vùng cần phải chạy trên các trục đường chính như đường QL.10, QL.38B, các tuyến đường tỉnh để đảm bảo kết nối đến các khu vực lân cận. Hướng tuyến cụ thể sẽ được xác định rõ theo đề án vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh đã được duyệt.

2.5. Bến xe - Bãi đỗ xe

- Quy hoạch mới bến xe Gôi quy mô bến loại IV, diện tích khoảng 2.500 m^2.

- Quy hoạch 04 điểm đỗ xe tĩnh tại khu vực lễ hội Phủ Dầy và chợ Viềng xuân.

- Quy hoạch bến xe ở khu vực phía Tây tổ dân phố Trần Huy Liệu với quy mô bến xe loại IV, diện tích 0,7 ha.

- Quy hoạch bãi đỗ xe phía Bắc đội quản lý điện với quy mô diện tích 0,6 ha.

3. Định hướng hệ thống điện

- Giai đoạn đến năm 2030 xây dựng mới TBA 220kV Nam Định 2 công suất dự kiến 1x 250MVA đặt tại huyện Vụ Bản; TBA 110kV (2x63MVA) KCN Bảo Minh; TBA 110kV (2x63MVA) KCN Thắng Lợi.

- Giai đoạn 2026-2030, nâng công suất: TBA 110kV Mỹ Lộc lên (63+40MVA), TBA 110kV Ý Yên lên (2x63MVA), TBA 110kV Hiển Khánh lên (2x63MVA).

- Xây dựng mới đường dây 220kV mạch kép dây dẫn phân pha khoảng 2 km từ Nam Định 2 - rẽ Trực Ninh - Ninh Bình và Trực Ninh - Nam Định.

- Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch căn cứ vào nhu cầu thực tế tại từng khu vực để cân đối xây dựng mới, nâng cấp các trạm biến áp phù hợp với đặc thù sử dụng điện của từng khu vực. Việc xác định vị trí, quy mô các trạm biến áp từ cấp điện áp 22kV trở lên và hướng tuyến đường dây đấu nối từ cấp điện áp 22kV trở lên sẽ được cụ thể khi triển khai dự án công trình và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

4. Định hướng hệ thống cấp nước

- Nguồn nước mặt của huyện Vụ Bản: Khai thác nước mặt sông Đào trong việc cung cấp nước trên địa bàn huyện.

- Trên địa bàn huyện hiện có 06 nhà máy nước sạch hiện trạng. Dự kiến cải tạo, nâng quy mô công suất các nhà máy nước sạch: Vụ Bản thành 26.000 m^3/ngày đêm, Liên Bảo thành 15.000 m^3/ngày đêm, Đại Thắng, Lê Lợi thành 3.000 m^3/ngày đêm, Mỹ Trung, Cốc Thành thành 1.500 m^3/ngày đêm.

- Mạng lưới cấp nước trong huyện được kết nối giữa các nhà máy nước trong khu vực và khu vực lân cận tạo sự liên kết giữa các vùng và đảm bảo khả năng cấp nước theo nhu cầu phát triển của huyện Vụ Bản.

Đến năm 2030 đảm bảo 100% dân số được sử dụng nước sạch; đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất đặc biệt là hoạt động của các khu, cụm công nghiệp.

5. Định hướng thoát nước và xử lý nước thải

- Trên địa bàn huyện gồm 05 lưu vực thoát nước cấp vùng: sông Sắt, sông Tiên Hương (T32), sông Chanh, sông Hùng Vương, sông Nguyễn Văn Tiếp (T5B).

- Đối với các khu vực trung tâm, khu vực phát triển quy hoạch dùng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, nước thải sẽ được thu gom theo hệ thống cống riêng biệt, đưa về trạm xử lý tập trung.

- Đối với các khu vực dân cư phát triển phân tán sử dụng hệ thống thu gom nước thải phân tán, khắc phục những nhược điểm và khoảng trống của hệ thống thu gom nước thải tập trung, quy mô lớn, thích hợp cho nhiều đối tượng khác nhau.

- Đối với các khu vực công nghiệp, nước thải đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước chung.

- Đối với nước thải y tế phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 28:2010/BTNMT về nước thải y tế trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước chung.

- Quy hoạch 02 trạm xử lý nước thải: trạm xử lý nước thải Trung Thành công suất 1.000 m^3/ngày đêm và trạm xử lý nước thải thị trấn Gôi công suất dự kiến đến năm 2030 là 2.300 m^3/ngày đêm, đến năm 2050 là 8.200 m^3/ngày đêm.

6. Định hướng quản lý chất thải, nghĩa trang

6.1. Định hướng xử lý chất thải rắn

- Quy hoạch khu xử lý Liên Bảo xử lý chất thải rắn cho huyện Vụ Bản với quy mô diện tích khoảng 3,0 ha.

- Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn và thu gom theo giờ. Bố trí trạm trung chuyển chất thải rắn ngoài khu vực các khu đô thị, du lịch.

6.2. Định hướng quản lý nghĩa trang

- Các nghĩa trang hiện hữu không mở rộng, chôn lấp đến hết diện tích sử dụng thì trồng cây xanh, cải tạo thành nghĩa trang công viên.

- Tầm nhìn đến năm 2050 quy hoạch nhà tang lễ của huyện. Vị trí cụ thể sẽ được nghiên cứu trong đồ án quy hoạch hoặc dự án riêng được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải đảm bảo các tiêu chí theo quy định.

- Tổng diện tích đất nghĩa trang tối thiểu đến năm 2030 khoảng 8,38 ha trong đó đề xuất quy hoạch nghĩa trang huyện Vụ Bản khoảng 10 ha.

7. Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động

- Phát triển hạ tầng số với trọng tâm là hạ tầng viễn thông băng rộng, hạ tầng điện toán đám mây, mạng internet vạn vật được phát triển để kết nối, tạo lập và duy trì dòng dữ liệu được cung cấp như dịch vụ và hạ tầng quan trọng thiết yếu của nền kinh tế số, xã hội số.

- Nguồn cấp được lấy từ mạng lưới cáp gốc của quốc gia, các tuyến cáp gốc sẽ được đấu nối vào các tổng đài của bưu điện, từ đó phân bổ bằng mạng lưới cáp quang đi các trạm vệ tinh.

- Phát triển mới các trạm thu, phát sóng đáp ứng nhu cầu, đảm bảo cung cấp dịch vụ cho mọi người dân.

X. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Ưu tiên các dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ưu tiên thực hiện các dự án hạ tầng khung, các công trình đầu mối đảm bảo kết nối các khu vực công nghiệp - dịch vụ, du lịch, phát triển đô thị và nông thôn; các dự án đầu tư phát triển cho khu vực đô thị (Liên Thanh, Trung An, Cộng Hoà), khu vực có khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu di tích lịch sử quốc gia; các dự án phục vụ cho đề án nâng loại đô thị, các dự án chỉnh trang, nâng cấp công trình hạ tầng xã hội; các dự án đầu tư xây dựng có sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường, khai thác hiệu quả tài nguyên, thiên nhiên, các dự án tái tạo năng lượng và tái sinh môi trường tự nhiên, …

XI. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH SAU KHI ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

Giải pháp cụ thể để thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt, gồm: quản lý phát triển vùng; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác tài nguyên theo hướng phát triển bền vững; xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng cơ chế chính sách và đẩy mạnh thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội huyện.

XII. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG VÙNG

- Giải pháp về cơ chế, chính sách pháp luật: Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; xây dựng cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp nhằm khuyến khích và đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại thân thiện với môi trường trong mọi ngành sản xuất nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

- Bảo vệ môi trường đô thị: Đầu tư xây dựng các bến tĩnh kết hợp vườn hoa cây cảnh tại các cửa ngõ ra vào đô thị; Thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt: phân

loại rác tại nguồn, tổ chức thu nhặt, phân loại rác tại chỗ, tái sử dụng…; cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom xử lý nước thải cũ.

- Bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu công nghiệp: ưu tiên thu hút đầu tư xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung, các trạm quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải công nghiệp tại cụm công nghiệp, khu công nghiệp, các cơ sở công nghiệp.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, nước thải tại các khu vực trung tâm xã và tập trung dân cư.

XIII. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định tại "Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định tầm nhìn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050" trong hồ sơ đồ án quy hoạch.

XIV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND huyện Vụ Bản

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, dữ liệu, chỉ tiêu kỹ thuật của đồ án đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật và đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ quỹ đất và trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Căn cứ Đồ án quy hoạch được duyệt triển khai việc lập các quy hoạch xây dựng có liên quan tại các khu vực theo yêu cầu phát triển, quản lý đô thị hoặc nhu cầu đầu tư xây dựng.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch đồng bộ với việc đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ trong công tác thẩm định đồ án quy hoạch trên, đảm bảo phù hợp với quy hoạch cấp trên, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch liên quan; thực hiện kiểm tra, giám sát UBND huyện Vụ Bản thực hiện quy hoạch được duyệt theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cập nhật quy hoạch theo ngành để quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Vụ Bản và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, VP5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Hà Lan Anh